

ÔN TẬP: LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN

I. Phần trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a. Làm tròn số 304 500 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 200 000 

B. 300 000 

C. 400 000 

D. 500 000 

b. Số nào dưới đây làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được sáu trăm nghìn?

A. 567 300

B. 520 049

C. 491 375

D. 529 339

c. Số dân của tỉnh Bình Phước tính đến tháng 12 năm 2020 là 1 237 890 người. Trong bài báo cáo, cô phóng viên đã đã làm tròn số dân của tỉnh đến hàng trăm nghìn. Hỏi số dân đã làm tròn đến hàng trăm nghìn là số nào?



A. 1 300 000

B. 300 000

C. 1 200 000

D. 1 500 000

d. Sau 5 năm, một gia đình thu hoạch được 197 418 kg gỗ. Nếu làm tròn số đến hàng trăm nghìn thì ta nói gia đình đó thu hoạch được kg gỗ.



A. 200 000

B. 500 000

C. 100 000

D. 300 000

e. Sau 15 năm, một công ty đã chế tạo được 602 137 rô-bốt. Nếu làm tròn số rô-bốt đến hàng chục nghìn thì ta được số rô-bốt là:



- A. 500 000 B. 600 000 C. 700 000 D. 800 000

f. Làm tròn giá bán của máy tính bảng đến hàng trăm nghìn ta được:

- A. 3 634 000 đồng B. 3 600 000 đồng C. 3 000 000 đồng D. 4 000 000 đồng

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ trống

- a. Làm tròn số 427 100 đến hàng trăm nghìn ta được số
b. Làm tròn số 73 105 đến hàng chục nghìn ta được số
c. Làm tròn số 3 238 000 đến hàng trăm nghìn ta được số
d. Làm tròn số 45 891 235 đến hàng trăm nghìn ta được số



II. Phần tự luận

Bài 1: Làm tròn giá tiền mua ô tô của bác Thủy, bác Tiên, bác Dũng và bác Hoa đến hàng trăm nghìn.



Ô tô nhà bác Hoa

423 890 000 đ



Ô tô nhà bác Dũng

530 120 000 đ



Ô tô nhà bác Thủy

800 431 000 đ



Ô tô nhà bác Tiên

980 600 389 đ

Bài 2: Làm tròn giá tiền mua tủ lạnh bạn Mai và bạn Lan đến hàng trăm nghìn.



Tủ lạnh nhà Mai

125 890 000 đ



Tủ lạnh nhà Lan

95 678 341 đ

Bài 5: Người ta đo được một ngọn núi trên sao Hỏa cao 121 229m. Nối mỗi cách làm tròn số đó với kết quả (theo mẫu)



Làm tròn số đến hàng trăm nghìn	Làm tròn số đến hàng chục nghìn	Làm tròn số đến hàng nghìn	Làm tròn số đến hàng trăm	Làm tròn số đến hàng chục
---------------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------	------------------------------	------------------------------

121 200	121 230	121 000	100 000	120 000
---------	---------	---------	---------	---------